

Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng ngân hàng tại Việt Nam

TS. ĐỖ THỊ KIM HẢO

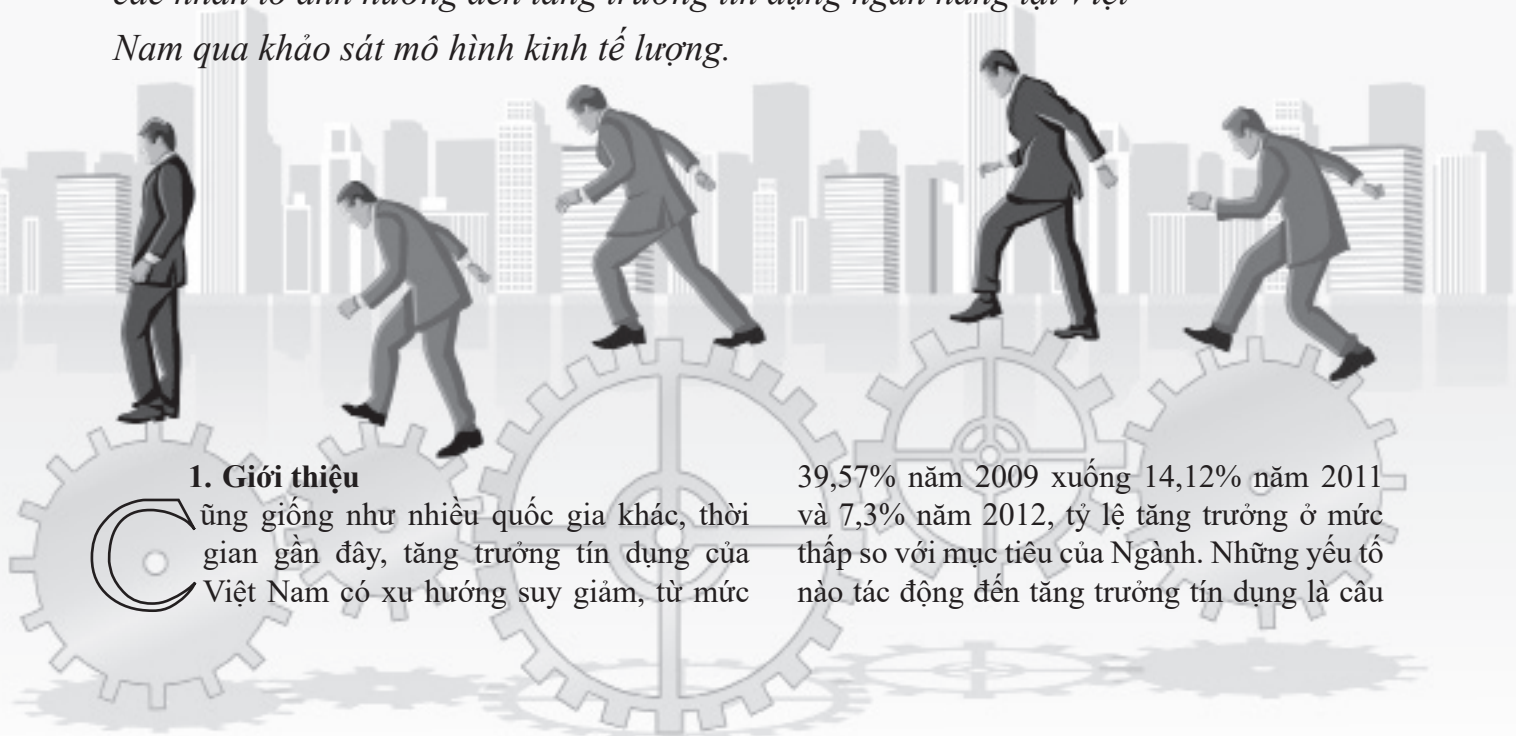
Học viện Ngân hàng

Tín dụng ngân hàng đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia thông qua việc tài trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế. Để thực hiện các dự án kinh doanh, doanh nghiệp có thể sử dụng các nguồn vốn khác nhau như nguồn vốn từ việc giữ lại lợi nhuận, vốn huy động từ việc phát hành chứng khoán trên thị trường và vốn vay ngân hàng. Tuy nhiên, tại các quốc gia có thị trường tài chính chưa phát triển như Việt Nam thì nguồn vốn tín dụng ngân hàng là nguồn tài trợ chủ yếu cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, thời gian gần đây, tăng trưởng tín dụng của Việt Nam suy giảm và ở mức thấp so với mục tiêu. Bài viết nhằm đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng ngân hàng tại Việt Nam qua khảo sát mô hình kinh tế lượng.

1. Giới thiệu

Cũng giống như nhiều quốc gia khác, thời gian gần đây, tăng trưởng tín dụng của Việt Nam có xu hướng suy giảm, từ mức

39,57% năm 2009 xuống 14,12% năm 2011 và 7,3% năm 2012, tỷ lệ tăng trưởng ở mức thấp so với mục tiêu của Ngành. Những yếu tố nào tác động đến tăng trưởng tín dụng là câu





hỏi lớn cần được giải đáp, tạo cơ sở cho việc đưa ra các biện pháp phù hợp để có những tác động tích cực đến các hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế.

Nhìn chung, các yếu tố tác động đến tăng trưởng tín dụng ngân hàng có thể được xem xét từ cả giác độ vĩ mô (điều kiện của nền kinh tế) và giác độ vi mô (doanh nghiệp hay cá nhân vay vốn và ngân hàng). Một hệ thống tài chính vững mạnh là điều cần thiết cho sự tăng trưởng kinh tế, đồng thời khi kinh tế phát triển sẽ có tác động hỗ trợ sự phát triển của hệ thống tài chính. Kinh tế tăng trưởng cùng với sự phát triển các hoạt động kinh doanh sẽ gia tăng nhu cầu tín dụng và dẫn đến tăng trưởng tín dụng. Điều kiện tiền tệ dễ dàng cùng với một hệ thống ngân hàng vững mạnh cũng có tác động tích cực đến tăng trưởng tín dụng. Trong khi đó, sự không hoàn hảo của thị trường tài chính tạo ra những trở ngại cho

hoạt động tín dụng sẽ có tác động tiêu cực đến tăng trưởng tín dụng và kinh tế.

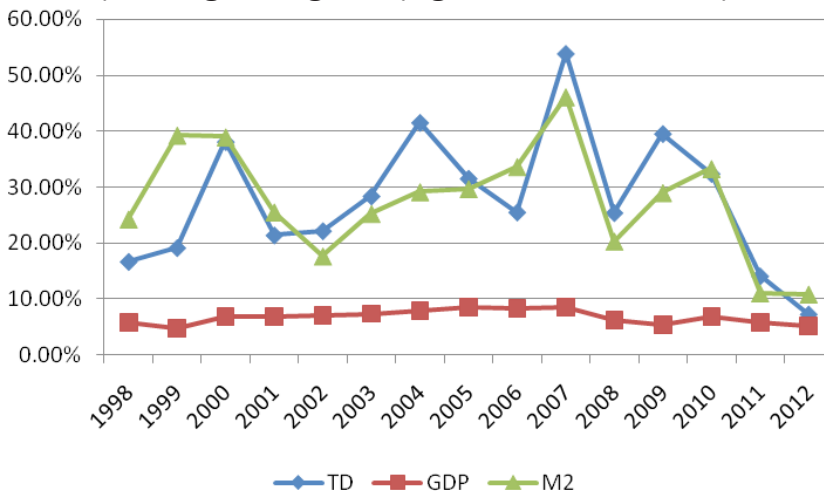
Trong thời gian qua tại Việt Nam, tăng trưởng tín dụng ngân hàng không ổn định, dao động trong khoảng 20- 40% từ năm 1998 đến 2006, tăng mạnh ở mức 53,3% trong năm 2007, sau đó có xu hướng suy giảm, xuống mức 7,3% trong năm 2012 (Đồ thị 1). Bên cạnh các yếu tố vĩ mô còn có những yếu tố khác ảnh hưởng đến quyết định của ngân hàng trong việc cấp tín dụng trong nền kinh tế. Về mặt lý thuyết, có một mối quan hệ dài hạn giữa sự lành mạnh của các ngân hàng và tốc độ tăng trưởng tín dụng ngân hàng. Những cú sốc tác động tiêu cực đến sự lành mạnh của ngân hàng sẽ làm cho tín dụng tăng trưởng chậm do các ngân hàng sẽ thận trọng hơn trong cho vay và đưa ra các điều kiện chặt chẽ hơn. Tương tự như vậy, tình hình nợ xấu tại các ngân hàng, thực trạng tài chính và khả năng thỏa mãn điều

Nhiều nghiên cứu đã có kết luận rằng, tín dụng ngân hàng góp phần quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các quốc gia (McKinnon 1973, Fry 1988, Ghirmay T 2004, Kasekende 2008). Các nghiên cứu thực nghiệm gần đây đã chỉ ra rằng việc giảm tín dụng ngân hàng trong cuộc khủng hoảng tài chính đã có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế thực của các nền kinh tế mới nổi, dựa nhiều vào nguồn tài trợ từ các ngân hàng (McGuire và Tarashev 2008)

kiện vay vốn ngân hàng của các doanh nghiệp cũng có tác động tới tăng trưởng tín dụng của một nước đòi hỏi phải có thêm nghiên cứu để trả lời câu hỏi vì sao tăng trưởng tín dụng của Việt Nam suy giảm và ở mức thấp so với mục tiêu.

Mục tiêu bài viết này tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ phần nào câu hỏi trên thông qua việc đánh giá tác động của một số yếu tố vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng tiền gửi trong nước, nợ nước ngoài, tỷ giá, lạm phát và các biến số phản ánh điều kiện tiền tệ trong nước như lãi suất thị trường, tăng trưởng cung tiền tới tăng trưởng tín dụng ngân

Đồ thị 1. Tăng trưởng tín dụng, M2 và GDP của Việt Nam



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



hàng đối với nền kinh tế.

Như vậy, tăng trưởng tín dụng ngân hàng đối với nền kinh tế được sử dụng như là một biến phụ thuộc trong khi tăng trưởng của các khoản nợ từ nước ngoài, tăng trưởng tiền gửi trong nước, tỷ giá hối đoái, tỷ lệ phần trăm của M2/GDP, tăng trưởng kinh tế thực, lạm phát và lãi suất cho vay được xác định là biến giải thích chính để giải thích hành vi của tăng trưởng tín dụng ngân hàng.

2. Mô hình áp dụng

Mô hình được kiểm định trong nghiên cứu này như sau:

$$PC_t = \beta_0 + \beta_1 FL_t + \beta_2 DD_t + \beta_3 CPI_t + \beta_4 GDP_t + \beta_5 MR_t + \beta_6 M2_t + \beta_7 ER_t + \epsilon_t$$

Biến phụ thuộc (PC) là tín dụng cho nền kinh tế. Các biến giải thích: FL là nợ nước ngoài, DD là tiền gửi trong nước, CPI là chỉ số giá tiêu dùng, GDP là Tổng sản phẩm quốc nội thực tế, ER là tỷ giá hối đoái, MR là lãi suất thị trường tiền tệ, M2 là tỷ lệ phần trăm của M2/GDP và ϵ_t là sai số.

Tiền gửi trong nước (DD):

Biến này được sử dụng để thể hiện tầm quan trọng của tiền gửi trong nước như là một nguồn tài trợ cho hoạt động tín dụng. Giả định ở đây là tăng trưởng tiền gửi trong nước sẽ có quan hệ đồng biến với tăng trưởng tín dụng vì các ngân hàng sẽ có nguồn vốn để cho vay nhiều hơn.

Nợ phải trả nước ngoài (FL):

Biến này thể hiện tầm quan trọng của các khoản vay nước ngoài cũng như là một nguồn tài trợ. Biến này cũng được kỳ vọng sẽ có tác động tích cực đối với tăng trưởng tín dụng trong nước.

Lạm phát (Tốc độ tăng CPI):

Do tăng trưởng tín dụng danh nghĩa nói chung sẽ bị ảnh hưởng bởi lạm phát, lạm phát tăng làm gia tăng nhu cầu tín dụng của các chủ thể kinh tế nên chúng tôi sử dụng lạm phát như là một biến độc lập. Việc sử dụng biến này cũng có thể giúp chúng ta nhận định là lạm phát có làm giảm tăng trưởng tín dụng thực tế hay không. Nếu hệ số của biến số

này nhỏ hơn 1, thì trong thực tế lạm phát sẽ làm giảm tín dụng tự nhiên thực.

Tăng trưởng GDP: Tốc độ tăng trưởng GDP phản ánh thực trạng của nền kinh tế, và do đó có thể phản ánh nhu cầu tín dụng. Các nhà nghiên cứu thường sử dụng tỷ lệ tăng trưởng GDP để thể hiện sự kỳ vọng của các nhà đầu tư với phân tích rằng, khi nền kinh tế tăng trưởng ổn định sẽ tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh kiếm lợi nhuận và tạo tâm lý lạc quan cho các nhà đầu tư, do đó có tác động làm tăng các hoạt động đầu tư. Như vậy, tỷ lệ tăng trưởng GDP cao hơn phản ánh chỉ tiêu cho đầu tư và tiêu dùng gia tăng dẫn đến làm tăng cầu tín dụng đối với cả các doanh nghiệp và hộ gia đình, do vậy sẽ có tác động làm tăng tín dụng cho nền kinh tế. Mặt khác, tăng trưởng kinh tế còn làm tăng thu nhập của các chủ thể kinh tế, do đó tăng lượng tiền tích lũy và khả năng cho vay của các ngân hàng.

Lãi suất cho vay (LR): Lãi suất cho vay của ngân hàng là

Bảng 1. Thông kê mô tả

	CRE	CPI	DD	EX	FL	GDP	LR	M2
Mean	1030846.	280.2537	933305.5	16784.35	78514.04	106377.7	12.66642	1107981.
Median	597635.9	242.7549	593719.4	15995.00	30815.74	103553.0	11.62560	727165.4
Maximum	2909512.	496.6317	2747254.	21031.00	250136.4	178397.5	20.42800	3149681.
Minimum	121360.0	179.1863	118162.2	14059.00	16413.57	54452.00	9.396000	160758.8
Std. Dev.	930944.3	100.1624	813974.4	2075.444	77549.36	30977.69	2.981446	922802.0
Skewness	0.839313	0.791899	0.797317	0.917294	1.088157	0.395655	1.174629	0.767791
Kurtosis	2.252961	2.337020	2.266406	2.573001	2.697667	2.255870	3.370473	2.218548
Jarque-Bera	7.173687	6.264410	6.547170	7.539587	10.25896	2.507293	12.01955	6.308446
Probability	0.027686	0.043622	0.037870	0.023057	0.005920	0.285462	0.002455	0.042672
Sum	52573151	14292.94	47598578	856002.0	4004216.	5425263.	645.9872	56507023
Sum Sq. Dev.	4.33E+13	501625.2	3.31E+13	2.15E+08	3.01E+11	4.80E+10	444.4509	4.26E+13
Observations	51	51	51	51	51	51	51	51



một trong những biến số kinh tế vĩ mô quan trọng, vì đây là yếu tố có tác động trực tiếp đến các hoạt động đầu tư và tiêu dùng trong nền kinh tế. Đối với các doanh nghiệp, chi phí trả lãi là chi phí đầu vào của quá trình SXKD. Do đó, mọi sự biến động về lãi suất cho vay trên thị trường sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD hay nói cách khác là tác động trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp và qua đó điều chỉnh các quyết định đầu tư của doanh nghiệp. Đối với cá nhân, hộ gia đình, lãi suất cho vay của ngân hàng sẽ ảnh hưởng đến các quyết định vay tiền cho các nhu cầu tiêu dùng. Lãi suất cho vay của ngân hàng được kỳ vọng có mối quan hệ ngược chiều với tăng trưởng tín dụng ngân hàng bởi lẽ khi lãi suất cho vay tăng lên làm tăng chi phí vay vốn do đó sẽ làm giảm cầu tín dụng.

Tỷ giá hối đoái (ER): Biến này cũng được kỳ vọng có mối quan hệ cùng chiều với tăng trưởng tín dụng trong nước vì tỷ giá tăng sẽ có tác động làm tăng các dòng vốn từ bên ngoài dẫn đến làm tăng tín dụng trong nước.

Tất cả các biến được thực hiện dưới hình thức logarit tự nhiên. Để khảo sát mối quan hệ giữa các biến theo mô hình trên, bài viết sử dụng số liệu theo quý của các biến số được thu thập từ Tổng cục Thống kê, Thống kê Tài chính Quốc tế

Bảng 2. Kết quả kiểm định tính dừng của các chuỗi số liệu

Biến	Giá trị tới hạn	Giá trị của thống kê kiểm định
D(LnCre)	-2.9228*	-3.210411
D(LnFL)	-3.5713	-4.560831
D(LnDD)	-3.5713	-3.779461
D(LnGDP)	-3.5682	-7.051725
D(LnCPI)	-3.5682	-4.476986
D(LnEX)	-3.5682	-4.372311
D(LnM2)	-3.5713	-5.407579
LR	-2.5977**	-2.850495

(IMF- International Financial Statistics) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) trong giai đoạn 2000- 2012.

Kiểm định tính dừng của các chuỗi số liệu

Tiến hành kiểm định nghiệm đơn vị (Unit root test) thông qua tiêu chuẩn kiểm định Augmented Dickey Fuller (ADF) cho thấy ngoại trừ số liệu về lãi suất cho vay (LR) dừng ở mức ý nghĩa 10%, các chuỗi số liệu trong mô hình chỉ dừng sau khi lấy sai phân bậc

1. Trong đó, D(LnCre) dừng ở mức ý nghĩa 5% và các chuỗi số liệu còn lại dừng ở mức ý nghĩa 1%. Kết quả kiểm định thể hiện ở Bảng 2.

3. Kết quả thực nghiệm

Các giá trị kiểm định của hàm hồi quy R-Squared= 0,65 và DW= 1,77 cùng với các giá trị kiểm định t

cho thấy hàm số xây dựng có ý nghĩa thống kê và phù hợp với thực tế. Kết quả thực nghiệm chỉ ra rằng tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát và điều kiện tiền tệ gồm lãi suất thị trường tiền tệ và lượng tiền cung ứng M2 có tác động đáng kể tới tăng trưởng tín dụng của ngân hàng đối với nền kinh tế. Trong khi đó, các biến giải thích: Nợ nước ngoài, tiền gửi trong nước và tỷ giá hối đoái không có ý nghĩa thống kê và như vậy không ảnh hưởng

Bảng 3. Kết quả thực nghiệm

Dependent Variable: DLCRE					
Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.	
C	0.093298	0.029055	3.211070	0.0026	
DLFL	0.047327	0.037069	1.276742	0.2092	
DLCPI	0.568641	0.238243	2.386806	0.0219	
DLDD	0.195456	0.135110	1.446644	0.1560	
DLEX	-0.028449	0.180736	-0.157405	0.8757	
DLGDP	0.050760	0.012201	4.160178	0.0002	
LR	-0.005705	0.001853	-3.078887	0.0038	
DLM2(-1)	0.243514	0.138363	1.759966	0.0863	
AR(1)	0.352369	0.206938	1.702774	0.0966	
R-squared	0.662786	Mean dependent var	0.063115		
Adjusted R-squared	0.593614	S.D. dependent var	0.033048		
S.E. of regression	0.021068	Akaike info criterion	-4.714789		
Sum squared resid	0.017310	Schwarz criterion	-4.363939		
Log likelihood	122.1549	F-statistic	9.581706		
Durbin-Watson stat	1.767064	Prob(F-statistic)	0.000000		



đến tăng trưởng tín dụng ngân hàng (Bảng 3).

Thứ nhất, như đã kỳ vọng ban đầu, tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP thực tế), có mối quan hệ cùng chiều và có ý nghĩa thống kê cao với biến phụ thuộc tăng trưởng tín dụng. Điều này phản ánh rằng, tăng GDP thực tế làm tăng thu nhập của lĩnh vực sản xuất cũng như thu nhập của người dân, do đó làm tăng tính thanh khoản của ngân hàng và họ có thể cho vay nhiều hơn cho các nhu cầu đầu tư và tiêu dùng. Đồng thời, tăng GDP cũng làm tăng cầu tín dụng đối với cả các doanh nghiệp và hộ gia đình. Do đó, tăng trưởng GDP có tác động tích cực đối với tăng trưởng tín dụng ngân hàng.

Thứ hai, lạm phát (tốc độ tăng CPI) có ảnh hưởng giống như dự kiến ban đầu, có tác động cùng chiều đến tăng trưởng tín dụng. Tuy nhiên, hệ số của biến số này là 0,568 nhỏ hơn 1, nghĩa là trong thực tế lạm phát chỉ làm tăng tín dụng danh nghĩa nhưng lại có tác động làm giảm tăng trưởng tín dụng thực.

Thứ ba, biến trễ tăng trưởng cung tiền DLM2 cũng ý nghĩa thống kê ở mức 5% và có mối quan hệ dương với biến phụ thuộc tăng trưởng tín dụng. Điều đó chứng tỏ khi NHNN nới lỏng điều kiện tiền tệ, tăng cung ứng tiền tệ sẽ làm tăng thanh khoản cho các ngân hàng và dẫn đến tăng trưởng tín dụng đối với nền kinh tế. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, để chính sách tiền tệ có hiệu lực,

tác động đến tăng trưởng tín dụng cần có thời gian với độ trễ một quý.

Thứ tư, lãi suất cho vay, theo kết quả mô hình cho thấy có ảnh hưởng ngược chiều giống như kỳ vọng ban đầu và có ý nghĩa thống kê rất cao với biến phụ thuộc tăng trưởng tín dụng. Lãi suất cho vay tăng lên làm tăng chi phí vay vốn từ đó gây hạn chế việc đi vay của các chủ thể kinh tế.

Sự tăng trưởng của các khoản nợ từ nước ngoài (FL) và tiền gửi trong nước (DD) có mức độ ảnh hưởng không đáng kể đến tăng trưởng tín dụng ngân hàng nhưng vẫn có mối quan hệ cùng chiều như dự tính, cho thấy rằng tín dụng ngân hàng cũng tăng lên cùng với tăng tiền gửi trong nước và các khoản nợ nước ngoài.

Từ kết quả phân tích trên có thể kết luận rằng, các yếu tố vĩ mô chủ yếu tác động làm giảm tăng trưởng tín dụng ngân hàng trong thời gian từ năm 2009 đến 2012 gồm có: (i) Tăng trưởng GDP suy giảm, thu nhập của các chủ thể kinh tế giảm làm giảm khả năng cho vay của các ngân hàng, mặt khác nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp và cá nhân giảm cũng gây tác động làm giảm tăng trưởng tín dụng ngân hàng; (ii) lãi suất cho vay cao trong thời gian dài làm tăng chi phí vay vốn đã hạn chế việc vay vốn của các chủ thể trong nền kinh tế; (iii) lạm phát giảm cũng có tác động làm giảm tăng trưởng tín dụng danh nghĩa và (iv) chính sách tiền tệ

thắt chặt với mục tiêu kiềm chế lạm phát, được thể hiện ở tăng trưởng cung tiền M2 giảm từ 33,3% năm 2010 xuống mức 10,83% năm 2012 cũng góp phần làm giảm tăng trưởng tín dụng ngân hàng. Như vậy, việc NHNN thực hiện các biện pháp nhằm giảm mặt bằng lãi suất cho vay của các NHTM cùng với việc nới lỏng các điều kiện tiền tệ trong năm 2013 là phù hợp nhằm tác động tích cực đến tăng trưởng tín dụng ngân hàng với mục tiêu kích thích tăng trưởng kinh tế. \square

Tài liệu tham khảo

1. Fry, M. J. (1988) "Money, Interest and Banking in Economic Development" John Hopkins University Press, London.
2. Ghirmay T. (2004) "Financial Development and Economic Growth in Sub-Saharan African Countries: Evidence from Time Series Analysis" African Development Bank.
3. Kasekende L. (2008) "Developing a Sound Banking System" Paper presented at IMF Seminar, Tunisia.
4. Kai Guo and Vahram Stepanyan (2011), "Determinants of Bank Credit in Emerging Market Economies", IMF Working Paper WP/11/51.
5. Kashif Imran và Mohammed Nishat (2009) "Determinants of Bank Credit in Pakistan: A Supply Side Approach", Proceedings of 2nd International Conference on Business Management.
6. Tatum Blaise Pua Tan (2012), "Determinants of Credit Growth and Interest Margins in the Philippines and Asia", IMF Working Paper WP/12/123.